

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 01/2022/KDTM – ST

Ngày 28 tháng 6 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và bà Lương Thị Phấn;
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Văn Chí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST- KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn Th – chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Chí Ch – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Văn Ph – chức vụ: phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ (Theo Quyết định số 49/QĐ-NHNo.TS-TH ngày 11/01/2022);

Địa chỉ: khu 5B, xã Tân Phú, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV H;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Huy H1, sinh năm 1973;

Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: xóm M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền cho Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền lại cho Nguyên đơn trình bày:

Giữa chi nhánh Ngân hàng N huyện T, tỉnh Phú Thọ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH MTV H (sau đây viết tắt là Công ty H) đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Ngày 11/7/2018, Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 2702LAV201802136 cho Công ty H do ông Đỗ Huy H1 là Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc vay số tiền 700.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán chi phí xây dựng nhà máy sản xuất dừa tre; lãi suất: 7,5%/1 năm tại thời điểm ký hợp đồng; thời hạn vay: 48 tháng (kể từ ngày nhận tiền lần đầu). Cùng ngày, Công ty H đã nhận số tiền 700.000.000 đồng tại Ngân hàng. Do đó, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/7/2022 theo các phân kỳ được hai bên thống nhất là: phân kỳ trả nợ lần 1: ngày 11/7/2019, số tiền trả là 175.000.000 đồng; phân kỳ trả nợ lần 2: ngày 11/7/2020, trả số tiền 175.000.000 đồng; phân kỳ trả nợ lần 3: ngày 11/7/2021, trả số tiền 175.000.000 đồng; và phân kỳ trả nợ lần 4: ngày 11/7/2022 trả số tiền 175.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng thứ hai: Ngày 21/10/2019 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 2700LAV201903246 cho Công ty H do ông Đỗ Huy H1 là chủ tịch công ty kiêm giám đốc vay số tiền 900.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; lãi suất: 5,5%/1 năm tại thời điểm ký hợp đồng; thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ.

Tại Giấy nhận nợ ngày 28/02/2020 thể hiện, Công ty H nhận 500.000.000 đồng tại Ngân hàng; thời hạn cho vay: 04 tháng (từ ngày 28/02/2020 đến ngày 28/06/2020); lãi suất: 5,5%/ năm; lãi suất nợ quá hạn: 120% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; lãi chậm trả: 5%/năm.

Tại Giấy nhận nợ ngày 06/7/2020 thể hiện, Công ty H nhận 400.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 04 tháng (từ ngày 06/3/2020 đến ngày 06/7/2020); lãi suất: 5,5%/ năm; lãi suất nợ quá hạn: 120% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; lãi chậm trả: 5%/năm.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho 02 hợp đồng tín dụng trên, Công ty H và Ngân hàng đã ký kết 03 Hợp đồng thế chấp gồm:

Hợp đồng thế chấp thứ nhất: Ngày 10/7/2018 hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC gồm các tài sản là: 01 công trình trạm biến áp đường dây 35KV, công suất 180KVA-35/0,4KV và hệ thống lò sấy gồm 02 bộ được xây dựng và lắp đặt trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, tại khu Mìn 2, xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ do UBND tỉnh Phú Thọ cấp cho Công ty H ngày 21/5/2018. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là: 781.000.000 đồng.

Tài sản trên đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 350.000.000 đồng.

Hợp đồng đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 02/8/2018.

Ngày 03/10/2019, Ngân hàng và Công ty H ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC-LI, thống nhất xác định lại giá trị tài sản bảo đảm là 741.950.000 đồng và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 430.331.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp thứ hai: Ngày 11/7/2018 hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC gồm tài sản là: Quyền sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01/2018/TĐĐC-TC tại khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ; diện tích 1.200m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Công ty H do UBND tỉnh Phú Thọ giao cho ngày 21/5/2018. Trị giá tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là: 471.000.000 đồng.

Tài sản trên đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 350.000.000 đồng. Hợp đồng đã được đăng ký thế chấp ngày 11/7/2018 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T.

Ngày 03/10/2019, Ngân hàng và Công ty H ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800182/HĐTC-LI, thống nhất xác định lại giá trị tài sản bảo đảm là 802.800.000 đồng và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 578.016.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp thứ ba: Ngày 22/8/2018 hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản số 201800210/HĐTC gồm các tài sản là: Tổ hợp máy chế nghiêng nam tre (loại đặt cố định) hiệu Tian Fu, ký hiệu TF -16, công suất máy 17,8 KWE/380V; xuất xứ Trung Quốc (máy đã qua sử dụng) và 08 Máy bào vót dừa hiệu Demai, ký hiệu ZX4-7, công suất máy 9,5KW/380V, xuất xứ Trung Quốc. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là: 847.308.000 đồng.

Tài sản trên đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 400.000.000 đồng. Hợp đồng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 30/8/2018.

Ngày 03/10/2019, Ngân hàng và Công ty H ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800210/HĐTC-LI, thống nhất xác định lại giá trị tài sản bảo đảm là 762.577.000 đồng và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của công ty H tại các

Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 442.294.776 đồng.

Đến ngày 31/12/2021, 02 khoản nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng trên của Công ty H được chuyển sang nợ xấu. Nguyên nhân là do, đến kỳ hạn trả nợ của từng lần đối với từng khoản nợ Công ty H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đủ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 28/6/2022, Công ty H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.636.062.465 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 189.683.905 đồng; tiền lãi quá hạn là 21.384.560 đồng. Cụ thể, Hợp đồng tín dụng thứ nhất: tiền nợ gốc là 525.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 90.940.070 đồng; tiền lãi quá hạn là 8.335.274 đồng; Hợp đồng tín dụng thứ hai: tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 98.743.835 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.049.286 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty H trả nợ, nhưng công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Buộc Công ty H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo 02 hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là: 1.636.062.465 đồng; trong đó: tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 189.683.905 đồng; tiền lãi quá hạn là 21.384.560 đồng.*
- *Trường hợp, Công ty H không trả được nợ cho Ngân hàng, đề nghị xử lý tài sản để thu hồi nợ theo 03 Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Công ty H với Ngân hàng.*

[2]. Phía bị đơn, Công ty H do ông Đỗ Huy H1 là Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc, trình bày:

Ông H1 thừa nhận Công ty H đã ký 02 hợp đồng tín dụng và 03 hợp đồng thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày là đúng. Ông H1 cũng thừa nhận Công ty H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn như Ngân hàng trình bày là đúng.

Về nghĩa vụ trả nợ, ông H1 xác định trách nhiệm trả nợ của Công ty H theo như số tiền mà Ngân hàng đã yêu cầu. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh và kinh tế khó khăn, Công ty H xin được gia hạn đến khoảng tháng 10/2022, Công ty H sẽ có phương án để trả dần số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, đến thời hạn trên mà Công ty H không trả được nợ cho Ngân hàng, Công ty H đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản tiền Công ty H còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các điều: 463, 466, 470, 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ

chức tín dụng; Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 13, 14, khoản 2 Điều 26 và Danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp tín dụng của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH MTV H Phú Thọ. Buộc Công ty TNHH MTV H Phú Thọ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2702LAV201802136 ngày 11/7/2018 là 624.275.344 đồng, trong đó: tiền gốc là 525.000.000 đồng; lãi trong hạn là 90.940.070 đồng; lãi quá hạn là 8.335.274 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201903246 ngày 21/10/2019 là 1.011.793.121 đồng; trong đó: tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 98.743.835 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.049.286 đồng.

Tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng, Công ty H phải trả cho Ngân hàng là 1.636.062.465 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 189.683.905 đồng; tiền lãi quá hạn là 21.384.560 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022), Công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty H không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2702LAV201802136 ngày 11/7/2018 và Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201903246 ngày 21/10/2019, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC ngày 10/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC-LI ngày 03/10/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 201800181/HĐTC ngày 11/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800182/HĐTC-LI ngày 03/10/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 201800210/HĐTC ngày 22/8/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800210/HĐTC-LI ngày 03/10/2019 để thu hồi nợ..

Ngân hàng phải trả cho Công ty H toàn bộ các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đã được liệt kê trong từng Hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được đảm bảo bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty H phải hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty H Phú Thọ. Công ty H phải nộp 30.540.900 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Căn cứ vào Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng N, Người đại diện theo ủy quyền là Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ đã có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” Công ty TNHH MTV H Phú Thọ có trụ sở chính tại khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 21/3/2022, Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch, đầu tư tỉnh Phú Thọ có văn bản xác nhận tình trạng pháp lý của Công ty H là hiện đang hoạt động. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 31/8/2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 25/12/2017 thì người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Đỗ Huy H1 – chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Ngân hàng N là chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH MTV H Phú Thọ cũng là chủ thể có đăng ký kinh doanh với nội dung cho Công ty H vay tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Và mục đích của các bên đều có mục đích lợi nhuận và xảy ra tranh chấp được xác định là Tranh chấp kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty H là Bị đơn có trụ sở chính tại khu M2, xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ theo khoản điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về hợp đồng tín dụng, vi phạm hợp đồng và yêu cầu của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng và Người đại diện theo pháp luật của Công ty H đều thừa nhận ngày 11/7/2018 và ngày 21/10/2019 hai bên đã ký 02 hợp đồng tín dụng với hạn mức 700.000.000 đồng (mục đích vay: thông toán chi phí xây dựng nhà máy sản xuất dừa; lãi suất: 7,5%/1 năm tại thời điểm ký hợp đồng; thời hạn vay: 48 tháng (kể từ ngày nhận tiền lần đầu); và hạn mức 900.000.000 đồng (mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp H1; lãi suất: 5,5%/1 năm tại thời điểm ký hợp đồng; thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ; ngày 28/02/2020 Công ty H nhận 500.000.000 đồng tại Ngân hàng; thời hạn cho vay: 04 tháng (từ ngày 28/02/2020 đến ngày 28/06/2020); lãi suất: 5,5%/ năm.

Xét thấy, các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức và hoạt động của tổ chức tín dụng; Luật doanh nghiệp H1; đúng trình tự, thủ

tục, cơ chế tín dụng theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch được thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đều thống nhất và thừa nhận Công ty H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng thứ nhất, tuy định kỳ trả nợ lần thứ 04 số tiền 175.000.000 đồng ngày 11/7/2022 mới đến hạn phải trả, xong do Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại 02 phân kỳ trả nợ là phân kỳ trả nợ lần 2: ngày 11/7/2020, trả số tiền 175.000.000 đồng, và lãi; phân kỳ trả nợ lần 3: ngày 11/7/2021, trả số tiền 175.000.000 đồng và lãi. Do đó, Ngân hàng chấm dứt vay đối với toàn bộ hợp đồng với Công ty H, yêu cầu công ty H trả số tiền còn nợ của 02 phân kỳ phải trả và thu hồi nợ trước hạn đối với phân kỳ trả nợ thứ tư là phù hợp thỏa thuận của hai bên tại Điều 12 của Hợp đồng tín dụng, nên được chấp nhận. Hai bên đều thống nhất, đến ngày 28/6/2022, Công ty H còn nợ Ngân hàng Hợp đồng tín dụng thứ nhất tổng số tiền là: 624.275.344 đồng, trong đó, tiền gốc là 525.000.000 đồng; lãi trong hạn là 90.940.070 đồng; lãi quá hạn là 8.335.274 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng thứ hai, hai bên đều thống nhất đến ngày 28/6/2022 Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.011.793.121 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 98.743.835 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.049.286 đồng.

Tổng cộng cả hai hợp đồng tín dụng, Công ty H còn nợ Ngân hàng là 1.636.062.465 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 189.683.905 đồng; tiền lãi quá hạn là 21.384.560 đồng.

HĐXX xét thấy, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty H phải trả số tiền còn nợ là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc công ty H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết đến ngày 28/6/2022 là: 1.636.062.465 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 189.683.905 đồng; tiền lãi quá hạn là 21.384.560 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022), Công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho và thì lãi suất mà Công ty H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng mà Công ty H đã ký kết với Ngân hàng, Công ty H và Ngân hàng đều thừa nhận hai bên đã ký 03 Hợp đồng thế chấp gồm:

Hợp đồng thế chấp thứ nhất: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800181/HĐTC ngày 10/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC-LI ngày 03/10/2019 gồm các tài sản là: 01 công trình trạm biến áp đường dây 35KV, công suất 180KVA-35/0,4KV và hệ thống lò sấy gồm 02 bộ được xây dựng và lắp đặt trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, tại khu Mìn 2, xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ do UBND tỉnh Phú Thọ cấp cho Công ty H ngày 21/5/2018. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là: 781.000.000 đồng; ngày 03/10/2019, hai bên thống nhất xác định lại giá trị tài sản bảo đảm là 741.950.000 đồng và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 430.331.000 đồng. Công ty H đã giao cho Ngân hàng giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản gồm: Hóa đơn GTGT số 0000563 ngày 13/6/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000236 ngày 11/6/2018.

Hợp đồng thế chấp thứ hai: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800181/HĐTC ngày 11/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800182/HĐTC-LI ngày 03/10/2019 gồm tài sản là: Quyền sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01/2018/TĐĐC-TC tại khu Mìn 2, xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ; diện tích 1.200m²; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Công ty H do UBND tỉnh Phú Thọ giao cho ngày 21/5/2018. Trị giá tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là: 471.000.000 đồng; ngày 03/10/2019, hai bên thống nhất xác định lại giá trị tài sản bảo đảm là 802.800.000 đồng và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 578.016.000 đồng. Công ty H đã giao cho Ngân hàng Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 009871 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 21/5/2018; vào sổ số: CT 06050 đứng tên Công ty TNHH MTV H Phú Thọ; Giấy phép xây dựng công trình (tài sản trên đất) số: 02/UBND-GPXD ngày 13/03/2018.

Hợp đồng thế chấp thứ ba: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800210/HĐTC ngày 22/8/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800210/HĐTC-LI ngày 03/10/2019 gồm các tài sản là: Tổ hợp máy chế biến lâm sản (loại đặt cố định) hiệu Tian Fu, ký hiệu TF -16, công suất máy 17,8 KWE/380V; xuất xứ Trung Quốc (máy đã qua sử dụng) và 08 Máy bào vót dừa hiệu Demai, ký hiệu ZX4-7, công suất máy 9,5KW/380V, xuất xứ Trung Quốc. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là: 847.308.000 đồng. Tài sản trên đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp

(bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 400.000.000 đồng; ngày 03/10/2019, hai bên thống nhất xác định lại giá trị tài sản bảo đảm là 772.577.200 đồng và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H tại các Hợp đồng tín dụng được ký trước, trong, hoặc sau ngày ký hợp đồng thế chấp (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh) trong số tiền 442.294.776 đồng. Công ty H đã giao cho Ngân hàng giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản gồm: Hóa đơn GTGT số 0000308 ngày 12/7/2018 và chứng thư thẩm định giá ngày 17/7/2018.

Xét thấy, các hợp đồng chấp được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật đã được chứng thực và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông cáo việc kê biên tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội theo quy định.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã xác định Công ty H hiện đang quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản gồm: 01 trạm biến áp đường dây 35KV, công suất 180KVA-35/0,4KV và hệ thống lò sấy gồm 02 bộ được xây dựng và lắp đặt trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, tại khu Mìn 2, xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Quyền sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01/2018/TĐĐC-TC tại khu Mìn 2, xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ; diện tích 1.200m²; tổ hợp máy tré nghiêng nam tre (loại đặt cố định) hiệu Tian Fu, ký hiệu TF - 16, công suất máy 17,8 KWE/380V; xuất xứ Trung Quốc (máy đã qua sử dụng) và 08 Máy bào vót dừa hiệu Demai, ký hiệu ZX4-7, công suất máy 9,5KW/380V, xuất xứ Trung Quốc phù hợp với các Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết.

Giá trị của tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp đủ để đảm bảo cho khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty H là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013 và các điều: 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngân hàng yêu cầu Công ty H thực hiện cam kết trong các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp, trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Công ty H bàn giao các tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; phía ông H1 đề nghị được gia hạn khoản nợ đến tháng 10/2022, nếu đến hạn mà ông không trả được nợ thì ông đồng ý xử lý tài sản ông đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Xem xét các Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa hai bên về nghĩa vụ trả nợ và quyền, nghĩa vụ của các bên thì thấy, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp Công ty H không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2702LAV201802136 ngày 11/7/2018 và Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201903246 ngày 21/10/2019 thì cần buộc Công ty H bàn giao các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800181/HĐTC ngày 10/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC-LI ngày 03/10/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 201800181/HĐTC ngày 11/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800182/HĐTC-LI ngày 03/10/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800210/HĐTC ngày 22/8/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 201800210/HĐTC-LI ngày 03/10/2019 cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Khi công ty H thực hiện được đầy đủ các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản theo các Hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng phải trả cho Công ty H toàn bộ các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của Công Ty H đã được liệt kê trong từng Hợp đồng thế chấp.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngày 25/02/2022, Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng đã nộp tạm ứng cho phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng. Theo Danh sách chi tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2022 thì số tiền đã chi là 2.000.000 đồng. Vậy số tiền Nguyên đơn đã nộp nhiều hơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thực tế. Ngày 27/6/2022, Nguyên đơn đã nhận lại số tiền còn thừa là 1.000.000 đồng (có biên bản lưu hồ sơ).

Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, nên Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Vì vậy, cần buộc Công ty H phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là phù hợp khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty H phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, số tiền cụ thể là: 36.000.000 đồng + (3% x 836.062.465 đồng) = 61.081.873 đồng. Ngày 27/6/2022 Công ty H có đơn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm với lý do: Tình hình dịch bệnh covid – 19 kéo dài và diễn biến phức tạp dẫn đến không có việc làm, do công ty bị ngừng sản xuất kinh doanh nên không có đủ tài sản để nộp án phí. Đơn có xác nhận của nơi Công ty có trụ sở là UBND xã Mỹ Thuận. Xét thấy, trong thời gian từ năm 2020 – nay, trên địa bàn huyện T, tỉnh Phú Thọ cũng như cả nước bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh covid – 19, đây là sự kiện khách quan, bất khả kháng. Trong khi đó, Công ty H chuyên về chế biến dừa xuất khẩu, công ty cũng ngừng sản xuất và kinh doanh

dẫn đến ông không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử giảm 50% tiền án phí sơ thẩm cho Công ty H là phù hợp Điều 13, 14 của Nghị quyết 326.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều: 463, 466, 470, 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 13, 14, khoản 2 Điều 26 và Danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp tín dụng của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH MTV H Phú Thọ.

Buộc Công ty TNHH MTV H Phú Thọ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2702LAV201802136 ngày 11/7/2018 là 624.275.344 đồng (sáu trăm hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: tiền gốc là 525.000.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm triệu đồng); lãi trong hạn là 90.940.070 đồng (chín mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn không trăm bảy mươi đồng); lãi quá hạn là 8.335.274 đồng (tám triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng) và Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201903246 ngày 21/10/2019 là 1.011.793.121 đồng (một tỷ không trăm mười một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi một đồng); trong đó: tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 98.743.835 đồng (chín mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng); tiền lãi quá hạn là 13.049.286 đồng (mười ba triệu không trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).

Tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng, Công ty H phải trả cho Ngân hàng là 1.636.062.465 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 189.683.905 đồng (một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm linh năm đồng); tiền lãi quá hạn là 21.384.560 đồng (hai mươi một triệu ba trăm tám mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022), Công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty H không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2702LAV201802136 ngày 11/7/2018 và Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201903246 ngày 21/10/2019, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC ngày 10/7/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800181/HĐTC-LI ngày 03/10/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 201800181/HĐTC ngày 11/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800182/HĐTC-LI ngày 03/10/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 201800210/HĐTC ngày 22/8/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 201800210/HĐTC-LI ngày 03/10/2019 để thu hồi nợ..

Ngân hàng phải trả cho Công ty H toàn bộ các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đã được liệt kê trong từng Hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được đảm bảo bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty H phải hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty H Phú Thọ. Công ty H phải nộp 30.540.900 đồng (ba mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng 27.375.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2020/0007380 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

